

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-27

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 22 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Pháo	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Triển	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Tan Boon Seng	Ủy viên
Bà Quek Guet Ngoh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Văn Pháo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Triển	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Vân Hoa	Trưởng ban
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

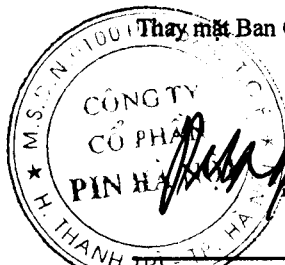
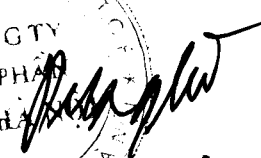
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

CT
BỘ PHẬN
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM
DANH



Số: 221 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 12 tháng 03 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

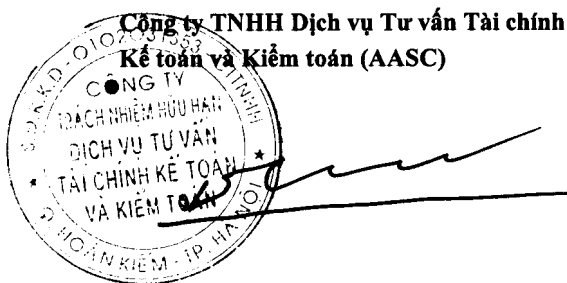
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

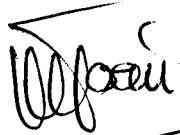
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		80.209.004.891	43.487.214.390
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.897.510.642	5.259.548.195
111	1. Tiền		897.510.642	3.850.426.905
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.000.000.000	1.409.121.290
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	891.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		891.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.354.306.822	12.834.950.123
131	1. Phải thu của khách hàng		15.042.562.493	10.389.334.228
132	2. Trả trước cho người bán		4.004.612.711	2.258.762.813
135	5. Các khoản phải thu khác	5	618.301.144	468.663.224
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(311.169.526)	(281.810.142)
140	IV. Hàng tồn kho	6	35.281.105.139	22.680.436.230
141	1. Hàng tồn kho		35.281.105.139	22.680.436.230
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.785.082.287	2.712.279.842
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.514.374.855	1.020.391.533
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		840.794	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	269.866.638	1.691.888.309
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.992.659.840	7.933.983.313
220	II. Tài sản cố định		33.078.320.867	5.729.661.743
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	13.122.989.824	5.729.661.743
222	- Nguyên giá		42.622.496.259	33.876.246.141
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.499.506.435)	(28.146.584.398)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	19.441.847.040	-
228	- Nguyên giá		19.441.847.040	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	513.484.003	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	2.199.300.000	2.199.300.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		2.199.300.000	2.199.300.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		715.038.973	5.021.570
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	715.038.973	5.021.570
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		116.201.664.731	51.421.197.703

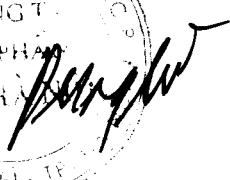
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		45.322.867.778	25.186.243.903
310	I. Nợ ngắn hạn		44.910.638.353	23.482.631.045
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	11.254.332.291	14.075.353.964
312	2. Phải trả người bán		27.768.544.133	5.050.418.574
313	3. Người mua trả tiền trước		72.793.527	23.445.502
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.605.768.685	1.253.624.282
315	5. Phải trả người lao động		2.065.464.515	1.569.031.547
316	6. Chi phí phải trả	14	811.964.335	763.196.576
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	211.576.484	569.532.497
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		120.194.383	178.028.103
330	II. Nợ dài hạn		412.229.425	1.703.612.858
334	4. Vay và nợ dài hạn		71.864.065	1.458.917.537
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		340.365.360	244.695.321
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		70.878.796.953	26.234.953.800
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	70.878.796.953	26.234.953.800
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		34.545.000.000	19.740.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.172.167.816	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		32.656.386	238.697.294
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		636.278.914	636.278.914
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.974.000.000	1.710.714.246
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.518.693.837	3.909.263.346
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		116.201.664.731	51.421.197.703

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		569,62	984,37


Võ Khánh Toàn
Kế toán trưởng


Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	178.963.278.862	155.767.859.195
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	5.167.310.868	4.189.010.018
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	173.795.967.994	151.578.849.177
11	4. Giá vốn hàng bán	20	145.839.891.473	127.311.752.668
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.956.076.521	24.267.096.509
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.496.819.639	691.457.570
22	7. Chi phí tài chính	22	2.878.851.857	3.696.418.272
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.230.352.357	1.038.979.262
24	8. Chi phí bán hàng	23	10.670.599.835	9.499.494.961
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	8.667.021.674	6.876.784.296
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		9.236.422.794	4.885.856.550
31	11. Thu nhập khác		187.845.606	184.257.411
32	12. Chi phí khác		499.029	750.000
40	13. Lợi nhuận khác		187.346.577	183.507.411
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.423.769.371	5.069.363.961
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	1.720.675.534	1.166.218.190
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.703.093.837	3.903.145.771
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>7.703.093.837</u>	<u>3.903.145.771</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.468	1.977

Võ Khánh Toàn



Võ Khánh Toàn
Kế toán trưởng

Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2012

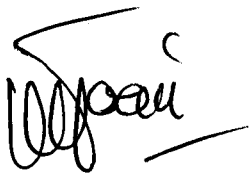
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

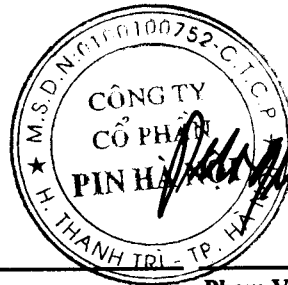
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		186.571.684.553	166.637.853.123
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(172.906.835.052)	(133.254.412.524)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(19.198.499.079)	(14.490.159.783)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.230.352.357)	(798.815.985)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(311.123.719)	(1.291.783.340)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.122.094.560	244.035.602
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.473.045.260)	(13.854.361.648)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.426.076.354)	3.192.355.445
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.967.321.357)	(1.356.561.233)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		187.845.606	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(142.135.166.209)	(17.730.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		141.244.166.209	16.314.459.068
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.157.101.388	341.113.031
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.513.374.363)	(2.430.989.134)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		41.977.167.816	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		54.120.952.911	43.500.529.577
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(57.984.441.848)	(40.571.028.491)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.540.200.000)	(2.171.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.573.478.879	758.101.086
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		16.634.028.162	1.519.467.397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.259.548.195	3.740.009.851
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.934.285	70.947
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>21.897.510.642</u>	<u>5.259.548.195</u>



Võ Khánh Toàn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2012

20313
CÔNG T
CH NHẬN
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ K
TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 22 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 34.545.000.000 VND. Tương đương 3.454.500 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có chi nhánh như sau:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 136 Đường Trần Văn Kiểu, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Một thành viên Pin Hà Nội	Đường N3, Khu C, Khu Công nghiệp Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất pin và kinh doanh pin các loại;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

13135
CÔNG TY
CHUYÊN
M VỤ TƯ
VẤN K
S KIỂM
TÀI KẾ

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.



Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 32.656.386 VND sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

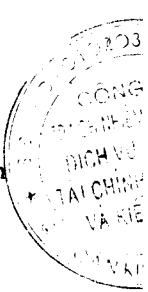
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	40.681.249	11.186.241
Tiền gửi ngân hàng	856.829.393	3.839.240.664
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)	21.000.000.000	1.409.121.290
	<u>21.897.510.642</u>	<u>5.259.548.195</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng)	891.000.000	-
	<u>891.000.000</u>	<u>-</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	432.342.324	316.699.200
Phải thu về bảo hiểm xã hội	10.004.838	4.459.280
Phải thu về bảo hiểm y tế	113.146.182	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.531.825	-
Phải thu khác	60.275.975	147.504.744
	<u>618.301.144</u>	<u>468.663.224</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.425.869.288	18.400.624.173
Công cụ, dụng cụ	49.335.614	20.978.100
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.892.979.819	2.029.815.369
Thành phẩm	2.326.687.338	1.448.859.123
Hàng hoá	3.943.137.198	780.159.465
Hàng gửi đi bán	643.095.883	-
	<u>35.281.105.139</u>	<u>22.680.436.230</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

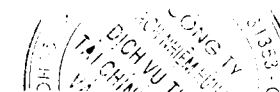
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	269.866.556	442.448.509
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	82	1.249.439.800
	<u>269.866.638</u>	<u>1.691.888.309</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	11.137.762.154	19.264.598.672	2.891.896.365	581.988.950	-	33.876.246.141
Số tăng trong năm	1.019.319.013	7.237.207.786	1.034.935.039	89.821.280	19.441.847.040	28.823.130.158
- Mua sắm mới	-	7.237.207.786	1.034.935.039	89.821.280	19.441.847.040	27.803.811.145
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.019.319.013	-	-	-	-	1.019.319.013
Số giảm trong năm	-	-	(635.033.000)	-	-	(635.033.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(635.033.000)	-	-	(635.033.000)
Số dư cuối năm	12.157.081.167	26.501.806.458	3.291.798.404	671.810.230	19.441.847.040	62.064.343.299
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	10.833.255.159	14.666.663.551	2.082.512.452	564.153.236	-	28.146.584.398
Số tăng trong năm	170.863.701	1.547.555.159	247.178.844	22.357.333	-	1.987.955.037
- Trích khấu hao	170.863.701	1.547.555.159	247.178.844	22.357.333	-	1.987.955.037
Số giảm trong năm	-	-	(635.033.000)	-	-	(635.033.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(635.033.000)	-	-	(635.033.000)
Số dư cuối năm	11.004.118.860	16.214.218.710	1.694.658.296	586.510.569	-	29.499.506.435
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	304.506.995	4.597.935.121	809.383.913	17.835.714	-	5.729.661.743
Số dư cuối năm	1.152.962.307	10.287.587.748	1.597.140.108	85.299.661	19.441.847.040	32.564.836.864

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.606.395.110 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	513.484.003	-
Số dư cuối năm	513.484.003	-
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	513.484.003	-
- Dự án Xây dựng Nhà máy Sản xuất của Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội	513.484.003	-
	513.484.003	-

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	2.199.300.000	2.199.300.000
	2.199.300.000	2.199.300.000
Chi tiết Đầu tư dài hạn khác:		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (*)	2.199.300.000	2.199.300.000
	2.199.300.000	2.199.300.000

(*) Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 308.782 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phiếu. Giá đóng cửa của cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2011 là 14.300 VND/01 cổ phiếu.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.021.570	-
Số tăng trong năm	901.795.154	5.021.570
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(191.777.751)	-
Số dư cuối năm	715.038.973	5.021.570

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	319.284.108	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	395.754.865	5.021.570
	<u>715.038.973</u>	<u>5.021.570</u>

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.254.332.291	14.075.353.964
- Vay ngân hàng	11.046.384.161	11.651.852.625
- Tiền ký quỹ, ký cược của các đại lý	207.948.130	187.518.040
- Vay cá nhân	-	2.235.983.299
	<u>11.254.332.291</u>	<u>14.075.353.964</u>

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng

<u>Hợp đồng</u>	<u>Số dư USD</u>	<u>Số dư VND hoặc quy đổi</u>
	USD	VND
1702 - LAV - 201100359 ngày 09 tháng 06 năm 2011 (1)	403.165	8.397.112.497
LD1131900001 ngày 15 tháng 11 năm 2011 (2)	127.188	2.649.271.664
	<u>530.353</u>	<u>11.046.384.161</u>

(1) Hợp đồng vay tín chấp số 1702 - LAV - 201100359 ngày 09 tháng 06 năm 2011 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay là 6,6 %/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Kỳ hạn vay là 04 tháng kể từ thời điểm giải ngân.

(2) Hợp đồng tín dụng từng lần số LD1131900001 ngày 15 tháng 11 năm 2011 số tiền vay là 127.188 USD để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay là 6,7 %/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Kỳ hạn vay là 05 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 83/SCBTT ngày 24/10/2011 tại Sacombank - Chi nhánh Thanh Trì với giá trị tài sản đảm bảo là 10.000.000.000 VND.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	285.003.063	830.018.025
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	178.055.672	109.660.489
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.720.675.534	311.123.719
Thuế Tài nguyên	3.233.160	2.508.120
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	416.320.000	-
Các loại thuế khác	2.481.256	313.929
	<u>2.605.768.685</u>	<u>1.253.624.282</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí môi giới xuất khẩu	111.201.672	75.714.408
Trích trước các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại theo doanh số năm	700.762.663	675.482.168
Trích trước chi phí phải trả khác	-	12.000.000
	<u>811.964.335</u>	<u>763.196.576</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	121.391.617	170.840.303
Bảo hiểm y tế	-	34.599.267
Bảo hiểm thất nghiệp	-	15.377.452
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	105.000.000
Phải trả, phải nộp khác	85.184.867	243.715.475
	<u>211.576.484</u>	<u>569.532.497</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

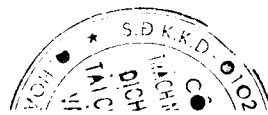
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	19.740.000.000	-	(1.067.675)	636.278.914	1.445.714.246	1.523.117.575	23.344.043.060
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	3.903.145.771	3.903.145.771
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	265.000.000	(530.000.000)	(265.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(987.000.000)	(987.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	1.067.675	-	-	-	1.067.675
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	238.697.294	-	-	-	238.697.294
Số dư cuối năm trước	19.740.000.000	-	238.697.294	636.278.914	1.710.714.246	3.909.263.346	26.234.953.800
Tăng vốn trong năm (1)	14.805.000.000	27.172.167.816	-	-	-	-	41.977.167.816
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	7.703.093.837	7.703.093.837
Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	263.285.754	(553.463.346)	(290.177.592)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(3.355.800.000)	(3.355.800.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay (3)	-	-	-	-	-	(1.184.400.000)	(1.184.400.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(238.697.294)	-	-	-	(238.697.294)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	32.656.386	-	-	-	32.656.386
Số dư cuối năm nay	34.545.000.000	27.172.167.816	32.656.386	636.278.914	1.974.000.000	6.518.693.837	70.878.796.953

(1) Tăng vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2010/NQ-ĐHCĐ ngày 19 tháng 11 năm 2010 và Công văn số 11/PHN năm 2011 của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội gửi Ủy ban Chứng khoán về báo cáo kết quả chào bán chứng khoán ra công chúng.

(2) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2011/NQ-ĐHCĐ năm 2011 ngày 05 tháng 03 năm 2011, cụ thể như sau:

- Tổng lợi nhuận phân phối	5.075.481.536
Trong đó:	
Lợi nhuận trước thuế năm 2010	5.069.363.961
Lợi nhuận năm 2009 để lại	6.117.575
- Nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.166.218.190
- Trích Quỹ dự phòng tài chính	263.285.754
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	290.177.592
- Trả cổ tức 17% vốn điều lệ	3.355.800.000

(3) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 04/2011/NQ-HĐQT/PHN ký hợp ngày 28/04/2011.



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty GP Battery Marketing (Singapore) Pte.ltd	30,00%	10.363.500.000	0,00%	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	21,00%	7.254.450.000	30,00%	5.922.000.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	1.735.000.000	5,24%	1.033.530.000
Đối tượng khác	43,98%	15.192.050.000	64,76%	12.784.470.000
	100%	34.545.000.000	100%	19.740.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.545.000.000	19.740.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	19.740.000.000	19.740.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	14.805.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	34.545.000.000	19.740.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.540.200.000	987.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.355.800.000	987.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	1.184.400.000	-

d) Cổ phiếu

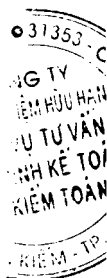
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.454.500	1.974.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.454.500	1.974.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.454.500	1.974.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.454.500	1.974.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.454.500	1.974.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ đầu tư phát triển	636.278.914	636.278.914
Quỹ dự phòng tài chính	1.974.000.000	1.710.714.246
	2.610.278.914	2.346.993.160

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán thành phẩm	167.899.530.146	153.704.379.501
Doanh thu bán hàng hóa	2.262.473.508	-
Doanh thu vật tư	5.774.393.013	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.026.882.195	2.063.479.694
	178.963.278.862	155.767.859.195



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.741.023.948	4.187.348.498
Giảm giá hàng bán	1.261.774.510	-
Hàng bán bị trả lại	164.512.410	1.661.520
	<u>5.167.310.868</u>	<u>4.189.010.018</u>

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	162.732.219.278	149.515.369.483
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	2.262.473.508	-
Doanh thu thuần về bán vật tư	5.774.393.013	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	3.026.882.195	2.063.479.694
	<u>173.795.967.994</u>	<u>151.578.849.177</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	138.582.886.619	127.311.752.668
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.842.372.777	-
Giá vốn của vật tư đã bán	5.414.632.077	-
	<u>145.839.891.473</u>	<u>127.311.752.668</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.800.863.712	262.442.321
Cổ tức, lợi nhuận được chia	471.880.800	404.491.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	224.075.127	24.524.049
	<u>3.496.819.639</u>	<u>691.457.570</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.230.352.357	1.038.979.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.648.499.500	2.657.439.010
	<u>2.878.851.857</u>	<u>3.696.418.272</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	972.333.788	2.446.877.569
Chi phí nhân công	2.879.195.338	-
Chi phí khuyến mãi	4.922.613.727	4.931.919.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.157.579.406	1.020.947.727
Chi phí khác bằng tiền	738.877.576	1.099.750.111
	10.670.599.835	9.499.494.961

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	291.231.228	850.838.472
Chi phí nhân công	3.487.187.398	2.120.444.910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	396.251.346	245.142.065
Thuế, phí, lệ phí	1.940.150.976	951.160.000
Chi phí dự phòng	29.359.384	10.520.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.615.778.646	1.675.865.382
Chi phí khác bằng tiền	907.062.696	1.022.813.351
	8.667.021.674	6.876.784.296

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.423.769.371	5.069.363.961
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(393.450.795)	(404.491.200)
- Các khoản điều chỉnh tăng	78.430.005	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(471.880.800)	(404.491.200)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	9.030.318.576	4.664.872.761
Tổng lợi nhuận tính thuế	9.030.318.576	4.664.872.761
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.257.579.644	1.166.218.190
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC	(536.904.110)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.720.675.534	1.166.218.190
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	311.123.719	436.688.869
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(311.123.719)	(1.291.783.340)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.720.675.534	311.123.719

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.703.093.837	3.903.145.771
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.703.093.837	3.903.145.771
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.120.981	1.974.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.468</u>	<u>1.977</u>

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03/05
CÔNG TY
PHIẾU
CH VỤ TÀI
CHÍNH
VÀ KIỂM
DANKI

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	163.687.043.453	6.895.678.710	3.213.245.831	173.795.967.994	173.795.967.994
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.262.230.660	915.248.444	2.058.943.690	9.236.422.794	9.236.422.794
Tổng chi phí mua tài sản cố định	9.381.283.118	-	-	9.381.283.118	9.381.283.118
Tài sản bộ phận	101.274.391.723	3.783.128.470	1.762.861.420	106.820.381.613	106.820.381.613
Tổng tài sản	101.274.391.723	3.783.128.470	1.762.861.420	116.201.664.731	116.201.664.731
Nợ phải trả của các bộ phận	43.854.686.874	1.403.178.050	65.002.854	45.322.867.778	45.322.867.778
Tổng nợ phải trả	43.854.686.874	1.403.178.050	65.002.854	45.322.867.778	45.322.867.778

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội và 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hà Nội.



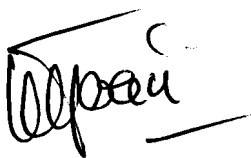
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

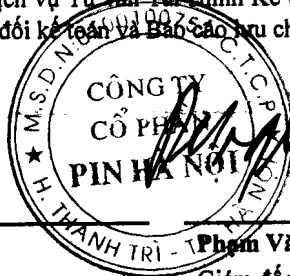
Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Do năm 2011 là năm đầu tiên Công ty TNHH Một thành viên Pin Hà Nội chính thức đi vào hoạt động (chưa có kết quả kinh doanh) và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Công ty nên số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán, do đó không thể so sánh số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Võ Khánh Toàn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2012